TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CP
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 604/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 13 - 12 - 2018
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CP, TỈNH AN GIANG

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Hùng

Ông Nguyễn Hoàng Tuấn.

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thái Trân - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện CP, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CP tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Truyện - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CP xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 442/2018/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2018 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 237/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Bé B, sinh năm 1978.
Nơi cư trú: Số 59/3, ấp Vĩnh A, xã Vĩnh Thạnh Tr, huyện CP, tỉnh An Giang. (Có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn Ch, sinh năm 1973. (Có mặt).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp Thành T, xã Thành L, huyện Bình M, tỉnh Vĩnh Long.

Chỗ ở hiện nay: Số 59/3, ấp Vĩnh A, xã Vĩnh Thạnh Tr, huyện CP, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/8/2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Phạm Thị Bé B trình bày: Chị và anh Ch do do mai mối và tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy Bn nhân dân xã Vĩnh Thạnh Tr vào năm 2006. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến khi chị Bé B sinh con thứ hai thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Ch không lo làm ăn lo cho vợ con, thường hay uống rượu, cờ bạc về đánh vợ con, đập phá đồ đạc trong nhà Nhều lần, thường hay cải vả nhau, đã ly thân khoảng 06 tháng nay. Tình cảm không còn nên chị Bé B xin ly hôn với anh Ch. Về con chung: Chị Bé B và anh Ch chung sống có 02 con chung tên Trần Thị Yến Nh, sinh năm 2004; Trần Phước H, sinh năm 2006, 02 con đang ở với chị, ly hôn chị Bé B yêu cầu tiếp tục nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết. Nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Trần Văn Ch trình bày: Thống nhất với phần trình bày của chị Bé B về thời gian chung sống, kết hôn, mâu thuẫn và vợ chồng đã ly thân khoảng 06 tháng. Hiện nay anh Ch còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn.

Con chung: Có 02 con chung tên Trần Thị Yến Nh, sinh năm 2004; Trần Phước H, sinh năm 2006, 02 con đang ở với vợ, nếu Tòa giải quyết cho ly hôn thì anh Ch yêu cầu được nuôi cháu Yến Nh, còn cháu H giao cho chị Bé B nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng. Tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết. Nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, chị Bé B giữ nguyên yêu cầu ly hôn, yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng. Tài sản chung không yêu cầu giải quyết; nợ chung không có. Anh Ch không đồng ý ly hôn, xin đoàn tụ, con chung yêu cầu được nuôi cháu Yến Nh, giao cháu H chi chị Bé B nuôi nếu yêu cầu ly hôn của chị Bé B được Tòa án chấp nhận. Tài sản chung không yêu cầu giải quyết; nợ chung: Không có.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện CP phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa, chị Bé B cho rằng chị và anh Ch chung sống thường xảy ra Nhều mâu thuẫn, cải vả nhau, anh Ch không quan tâm vợ con, thường uống rượu, đanh vợ con Nhều lần, vợ chồng đã ly thân 06 tháng nay, hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị Bé B yêu cầu ly hôn với anh Ch là có cơ sở chấp nhận.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Thị Yến Nh, sinh năm 2004; Trần Phước H, sinh năm 2006, sau khi vợ chồng ly thân đến nay cháu Yến Nh và cháu H do chị Bé B chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định. Do đó, để ổn định cuộc sống của con chung và theo nguyện vọng của con nên đề nghị giao con chung cho chị Bé B tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Bé B không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, nên đề nghị không xem xét.

- Về nợ chung: Không có, nên đề nghị không xem xét.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết đúng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Anh Trần Văn Ch có hộ khẩu thường trú tại xã Thành L, huyện Bình M, tỉnh Vĩnh Long. Tuy Nhên, sau khi kết hôn với chị Bé B năm 2003 đến nay, anh Ch tạm trú chung địa chỉ với chị Bé B tại ấp Vĩnh A, xã Vĩnh Thạnh Tr, huyện CP, tỉnh An Giang. Chị Bé B khởi kiện xin ly hôn, Tòa án nhân dân huyện CP thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Chị Bé B và anh Ch chung sống với nhau vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy Bn nhân dân xã Vĩnh Thạnh Tr, nên được pháp luật công nhận là vợ chồng và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 8; khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Sau khi kết hôn anh chị có cuộc sống hạnh phúc được một thời gian, nhưng sau khi chị Be B sinh con thứ hai thì anh Ch không lo làm ăn lo cho vợ con, thường hay uống rượu về đánh vợ con, đập phá đồ đạc trong nhà, cờ bạc, chị Bé B khuyên ngăn Nhều lần nhưng anh Ch không sửa đổi, vợ chồng phát sinh Nhều thuẫn, cải vả nhau, vợ chồng đã ly thân khoảng 06 tháng, hiện nay tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị Bé B xin ly hôn với anh Ch. Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa chị Bé B kiên quyết xin ly hôn với anh Ch. Anh Ch không đồng ý ly hôn vì anh còn thương vợ thương con, xin đoàn tụ.

Hội đồng xét xử xét thấy, trong thời gian chị Bé B và anh Ch chung sống, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do anh Ch không quan tâm, lo lắng cho vợ con, thường hay uống rượu đánh vợ con Nhều. Đồng thời, chị Bé B và anh Ch đã ly thân hơn 06 tháng nay, thời gian sống ly thân là khoảng thời gian dài và Tòa án đã hòa giải động viên vợ chồng hàn gắn chung sống lo các con, nhưng không thành, cả hai không có thiện chí hàn gắn lại hạnh phúc gia đình, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cũng như không thể chia sẻ công việc trong gia đình với nhau được nữa, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị Bé B yêu cầu ly hôn là có cơ sở. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bé B đối với anh Ch.

- Về con chung: Chị Bé B và anh Ch chung sống có 02 con chung tên Trần Thị Yến Nh, sinh năm 2004; Trần Phước H, sinh năm 2006, 02 con chung đang ở với chị Bé B. Sau khi ly hôn, chị Bé B yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng. Anh Ch cũng có yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Yến Nh, còn cháu H giao cho chị Bé B nuôi dưỡng, không yêu cầu chị Bé B cấp dưỡng nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bé B. Xét, từ khi ly thân đến nay cháu Yến Nh và cháu H đều do chị Bé B chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định, đồng thời chị Bé B có việc làm và thu nhập ổn định. Do đó, để đảm bảo cuộc sống của con chung và theo nguyện vọng của 02 cháu muốn ở với chị Bé B, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Yến Nh và cháu H cho chị Bé B được tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Ch có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; quyền nuôi con là không cố định. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Bé B không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Thống nhất không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Thống nhất không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Chị Bé B phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẻ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Bn Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Bé B được ly hôn với anh Trần Văn Ch.

Về con chung: Giao con chung tên Trần Thị Yến Nh, sinh năm 2004; Trần Phước H, sinh năm 2006 cho chị Bé B được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Ch không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Bé B cùng với các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Ch trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Phạm Thị Bé B phải chịu 300.000đ (*B trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ (*B trăm nghìn đồng*) tạm ứng

án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010052 ngày 24 tháng 8 năm 2018 của Cục thi hành án dân sự huyện CP.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAT An Giang;
- THA huyện CP;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện CP;
- UBND xã Vĩnh Thạnh Tr;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Ngọc Mỹ